

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH HẢI**

Số: 654/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ninh Hải, ngày 04 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc,
thiết bị chuyên dùng trên địa bàn huyện Ninh Hải**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND huyện Ninh Hải tại Công văn số 57/HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2018 về việc thống nhất tiêu chuẩn, định mức máy móc thiết bị chuyên dùng và Công văn số 950/STC-QLGCS ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 341/TTr-PTCKH ngày 21 tháng 5 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo) được quy định chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này.

1. Máy móc, thiết bị chuyên dùng là máy móc, thiết bị có yêu cầu về tính năng, dung lượng, cấu hình cao hơn máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến và máy móc, thiết bị khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị.



2. Máy móc, thiết bị chuyên dùng theo quy định tại khoản 1 được áp dụng đối với máy móc, thiết bị đủ tiêu chuẩn tài sản cố định theo quy định của chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

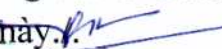
Máy móc, thiết bị chuyên dùng không đủ điều kiện tiêu chuẩn tài sản cố định, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, đầu tư, mua sắm, điều chuyển, thuê theo quy định của pháp luật quyết định trang bị phù hợp với chức năng nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng và khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

3. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, người đứng đầu quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại đơn vị.

4. Việc mua sắm, điều chuyển, thanh lý tài sản chuyên dùng thực hiện theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Luật đấu thầu và phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 2. Việc tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị không được vượt quá tiêu chuẩn, định mức và mức giá đã được Chủ tịch UBND huyện quy định tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực 10 (mười) ngày kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Thủ trưởng các phòng, ban trực thuộc huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận: 

- Như điều 3;
- UBND tỉnh Ninh Thuận;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, PCT UBND Huyện;
- Trang thông tin điện tử huyện (Đ/c Phung);
- KBNN huyện Ninh Hải;
- Lưu: VT;TH.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Diệu Tuyết

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH HẢI



PHỤ LỤC 1

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG

(Kèm theo Quyết định số 654/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2018 của UBND huyện Ninh Hải)

STT	Tên Máy móc thiết bị (MMTB) chuyên dùng	Xuất xứ	Chủng loại	Thông số kỹ thuật	Số lượng tối đa (cái hoặc bộ)	Đơn giá tối đa (triệu đồng/cái hoặc bộ)	Thành tiền	Mục đích sử dụng	Đơn vị hiện có sử dụng và đang có nhu cầu sử dụng
1	Máy móc thiết bị chuyên dùng tại bộ phận một cửa của UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện (nếu có)								
1.1	- Máy chuyên dùng tra cứu dữ liệu màn hình cảm ứng 21,5 inch			Tốc độ xử lý: Intel Pentium G4400 3.3GHz, Bộ nhớ: DDr4 4GB Geil, Ổ cứng: 500GB Hitachi, Ổ đĩa: DVD Lite on, Phim và chuột Motospeed dùng cổng USB	01	17.000.000	17.000.000	Dùng kiểm tra tiến độ hồ sơ công việc	Văn phòng HDND-UBD (bộ phận một cửa)
2	Máy móc thiết bị chuyên dùng tại bộ phận văn thư của UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, tổ chức đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện								
2.1	- Máy scan 02 mặt tốc độ cao	Nhật	HP/ KODAK I1150	- Khô giấy A4 - Khay nạp giấy (ADF) 50 tờ - Tốc độ quét 25 tờ/phút, 40 tờ/phút cho 10 tờ đầu tiên - Công suất ngày 3000 tờ - Tương thích HĐH 2000/2003/XP/Vista/7 - Kiểu kết nối USB 2.0	01	13.000.000	13.000.000	Quyết văn bản để đưa lên TĐOFFIC. Phục vụ trong công tác hành chính văn thư của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, đơn vị cấp xã	Các đơn vị dự toán cấp huyện, cấp xã
3	Phòng Văn hóa Thông tin								
3.1	- Máy đo độ ồn		KIMO DB100	Tiêu chuẩn: IEC 61672-1 Class 2 / IEC 60651 Class 2 / IEC 60804 Class 2 - Các đơn vị đo: LA, LAeq, LAFmax, LAFmin, LASmax, LASmin - Khoảng đo: 30-130 dB - Độ phân giải: 0,1 dB - Mức quy chuẩn: 94dB - Độ nhạy định danh: 20mV/Pa - Tần số: A - Thời gian đo: Nhanh/chậm - Tích hợp dữ liệu thời gian cho LAeq: Từ 1 giây đến 15 phút - Màn hình hiển thị: 128x64 pixels, có thể điều chỉnh độ sáng - Tần số tham chiếu: 1000Hz - Điều kiện hoạt động: -10 °C to + 50 °C - Điều kiện bảo quản: 0 °C to + 50 °C, 95 % RH max - Nguồn điện: Pin 3 AAA	01	11.350.000	11.350.000	Đề đo độ ồn trong công nghiệp, trong an ninh, cũng như kiểm tra tiếng ồn môi trường. Phục vụ trong công tác kiểm tra liên ngành VH-XH	Phòng Văn hóa và Thông tin
4	Phòng Văn hóa Thông tin; Phòng Lao động; Phòng Nông nghiệp và PTNT; Đài Truyền Thanh								
4.1	Máy ảnh	Nhật	CANON ESO M10	Cảm biến CMOS 18.0megapixel Công nghệ Hybrid CMOS AF II Bộ xử lý hình ảnh DIGIC 6 Điểm lấy nét 49 điểm	01	10.500.000	10.500.000	Phục vụ công tác kiểm tra liên ngành; đăng tin bài trên trang thông tin điện tử địa phương trên các lĩnh vực: văn hóa xã hội, nông lâm thủy sản...	Phòng Văn hóa và Thông tin; Lao động và TBXH; Nông nghiệp và PTNT; Đài Truyền Thanh
5	Đài Truyền Thanh								

STT	Tên Máy móc thiết bị (MMTB) chuyên dùng	Xuất xứ	Chủng loại	Thông số kỹ thuật	Số lượng tối đa (cái hoặc bộ)	Đơn giá tối đa (triệu đồng/cái hoặc bộ)	Thành tiền	Mục đích sử dụng	Đơn vị hiện có sử dụng và đang có nhu cầu sử dụng
5.1	Máy quay phim	Nhật	PANASONIC AG-AC130	<ul style="list-style-type: none"> - Cảm biến (Sensor) 1/3.1" BSI MOS Sensor - Effective Pixels 6.03 MP - Optical Zoom 20x - Minimum Illumination (Lux) 300 - Độ mở ống kính (Aperture) F1.8-F3.6 - Độ dài tiêu cự (Focal Length) 29.5-612mm - Độ lớn màn hình LCD (inch) 3 inch - Định dạng Video - MPEG Tính năng khác Dolby Digital 2-ch - Màn hình cảm ứng - Thiết bị lưu trữ: - Cổng kết nối; Composite (Video); Component (Video) - Microphone; HDMI; USB; Headphones - A/V output - Tính năng đặc biệt: Quay phim Full HD - Kích cỡ máy (Dimensions) 170 x 170 x 335 - Trọng lượng (Weight) 1.5 kg 	01	80.000.000	80.000.000	Ghi hình đưa các tin hoạt động địa phương. Đáp ứng HD theo lộ trình	Đài Truyền Thanh
6 Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn									
6.1	Máy đo Oxy hòa tan	ROMANIA	HI9147-04 Hãng: HANNA-USA	<ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi đo: O₂: 0,0-50,0 mg/L (ppm) Saturation% O₂: 0-600% - Nhiệt độ: -5,0 Đến 50,0 °C (32,0 đến 122,0°F) - Độ phân giải: O₂: 0,1 mg/L (ppm) hoặc 1% - Nhiệt độ: 0,1 °C (1°F) - Độ chính xác (20 °C) O₂: ± 1% giá trị đọc - Nhiệt độ: ± 0,2 °C (1°F) (không bao gồm lỗi đầu dò) - Hiệu chuẩn: sử dụng, không khí bão hòa Nhiệt độ bồi thường: tự động, -5 đến 50 °C (23 °F đến 122 °F) - Độ cao bồi thường: 0-4000 m (độ phân giải 100 m) - Độ mặn bồi thường: 0-51 g/L (ppt) 	01	11.000.000	11.000.000	Ứng dụng: xác định độ đục trong nước sinh hoạt và nước thải. Kiểm nghiệm, đáp ứng tiêu chuẩn GLP. Phục vụ trong lĩnh vực Nông lâm thủy sản	Phòng Nông nghiệp và PTNT
6.2	Máy đo Chlorine	Mỹ	EXTECH Model: CL500	<ul style="list-style-type: none"> Khoảng đo: 0.01-3.50 ppm Độ phân giải: 0.01 ppm Độ chính xác: ±0.02 ppm Nguồn sáng: LED, 525nm Phương pháp đo: sử dụng phương pháp USEPA 330,5 đối với nước thải và phương pháp 4500-Cl-G đối với nước uống Thời gian phản hồi: < 10 giây Chi cần mẫu đo khoảng 10 ml Có chế độ giữ dữ liệu, ghi lại kết quả Max/Min, nhắc lại các bản ghi cũ; tự động tắt máy Cung cấp kèm chai thử nghiệm, bột thử, vải làm sạch, 6 pin AAA và hộp cứng Kích thước: 155 x 76 x 62mm Khối lượng: 320 g 	01	12.000.000	12.000.000	Ứng dụng: xác định độ đục trong nước sinh hoạt và nước thải. Kiểm nghiệm, đáp ứng tiêu chuẩn GLP. Phục vụ trong lĩnh vực Nông lâm thủy sản	Phòng Nông nghiệp và PTNT

STT	Tên Máy móc thiết bị (MMTB) chuyên dùng	Xuất xứ	Chủng loại	Thông số kỹ thuật	Số lượng tối đa (cái hoặc bộ)	Đơn giá tối đa (triệu đồng/cái hoặc bộ)	Thành tiền	Mục đích sử dụng	Đơn vị hiện có sử dụng và đang có nhu cầu sử dụng
6.3	Máy đo độ đục	Romania	HI 93703C Hãng SX: HANNA – USA	Than đo: 0.00 – 50.00 FTU, 50 – 1000 FTU Độ phân giải: 0.01 FTU (0.05 – 50.00 FTU), 1 FTU (50 – 1000 FTU) Độ chính xác: ± 0.5 FTU Nguồn sáng : đèn LED hồng ngoại Màn hình LCD hiện số . Tự động tắt nguồn sau 05 phút Hiệu chuẩn 03 điểm (0, 10 và 500 FTU) Môi trường : 0 ~ 50 oC , max 95%RH Nguồn Pin: 4x1.5 V sử dụng khoảng 900 lần đo, tự động ngắt sau 5 phút không sử dụng Kích thước : 220 x 82 x 66 mm ; Khối lượng 510 g	01	21.000.000	21.000.000	Ứng dụng: xác định độ đục trong nước sinh hoạt và nước thải . Kiểm nghiệm, đáp ứng tiêu chuẩn GLP. Phục vụ trong lĩnh vực Nông lâm thủy sản	Phòng Nông nghiệp và PTNT

- Ghi chú:

- + Đối với MMTB chuyên dùng không đủ điều kiện tiêu chuẩn tài sản cố định (Giá trị < 5 triệu đồng), cơ quan đơn vị quyết định trang bị phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng và khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng, bảo đảm tiết kiệm hiệu quả.
- + Đối với MMTB chuyên dùng thuộc lĩnh vực sự nghiệp giáo dục do Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng trình tỉnh ban hành
- + Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, người đứng đầu quyết định ban hành tiêu chuẩn, định mức MMTB chuyên dùng tại đơn vị